



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in **VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN**
Vietnamese: **CHẤT LƯỢNG**

Tiếng Anh/ in English: **INSTITUTE FOR STANDARD AND QUALITY**
DEVELOPMENT STUDIES

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 083 – FSMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Số 52, ngõ 46, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

No. 52, Lane 46, Lien Mac Street, Lien Mac Ward, Hanoi City, Vietnam

Tel: 024.22.66.1111

Email: vienchatluong@issq.org.vn

Website: <http://issq.org.vn>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1:2015
- ISO 22003-1:2022

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from / /2026 đến/ to 20/11/2026



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn TCVN ISO 22000: 2018, TCVN 5603: 2023, CXC 1-1969 Revised in 2020, **CXC 1-1969 Revised in 2022^(*)** cho các lĩnh vực sau/ *Certification of food safety management system according to ISO 22000:2018, TCVN 5603: 2023, CXC 1-1969 Revised in 2020, **CXC 1-1969 Revised in 2022^(*)** for the following scopes:*

Nhóm ngành Cluster	Ngành Category		Chuyên ngành Subcategory	
Sản xuất chính <i>Primary production</i>	A	Nuôi hoặc xử lý động vật <i>Farming or handling of animals</i>	AI	Chăn nuôi lấy thịt/ sữa/ trứng/ mật <i>Farming of Animals for Meat/ Milk/ Eggs/ Honey</i>
			AII	Nuôi trồng thủy, hải sản <i>Farming of fish and seafood</i>
	B	Trồng trọt hoặc xử lý thực vật <i>Farming or handling of plants</i>	BI	Trồng trọt - Xử lý các loại cây (trừ ngũ cốc và đậu) <i>Farming – Handling of plants (other than grains and pulses)</i>
			BII	Trồng trọt – Xử lý ngũ cốc và đậu <i>Farming – Handling of grains and pulses</i>
			BIII	Sơ chế các sản phẩm thực vật <i>Pre-process handling of plant products</i>
Chế biến thực phẩm cho người và động vật <i>Processing food for humans and animals</i>	C	Chế biến thực phẩm, nguyên liệu và thức ăn cho vật nuôi <i>Food, ingredient and pet food processing</i>	C0	Động vật – chuyển đổi sơ cấp <i>Animal – Primary conversion</i>
			CI	Chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật mau hỏng ở nhiệt độ thường <i>Processing of perishable animal products</i>
			CII	Chế biến thực phẩm có nguồn gốc thực vật mau hỏng ở nhiệt độ thường <i>Processing of perishable plant products</i>
			CIII	Chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật và thực vật (sản phẩm hỗn hợp) mau hỏng ở nhiệt độ thường <i>Processing of perishable animal and plant products (mixed products)</i>



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

			CIV	Chế biến sản phẩm giữ được lâu ở nhiệt độ thường <i>Processing of ambient stable products</i>
Bán lẻ, vận chuyển và lưu kho <i>Retail, transport and storage</i>	F	Thương mại, bán lẻ và thương mại điện tử <i>Trading, retail, and e-commerce</i>	FI	Bán lẻ/ Bán buôn <i>Retail/ Wholesale</i>
			FII	Môi giới/ Thương mại <i>Brokering/ Trading</i>
	G	Dịch vụ vận chuyển và bảo quản <i>Transport and storage services</i>		
Nguyên liệu bao gói <i>Packaging material</i>	I	Sản xuất vật liệu bao gói <i>Production of packaging material</i>		

Ghi chú/ Note:

- (*) Cập nhật tiêu chuẩn (tháng 02/2026)/ *Updated standard (February 2026)*
- Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *Institute for Standard and Quality Development Studies must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*